

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của HĐND phường Lê Đại Hành)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	99.912.000.000	182.041.549.354	82.129.549.354	182,2
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.916.000.000	3.857.314.338	941.314.338	132,3
-	Thu NSDP hưởng 100%	457.000.000	534.655.362	77.655.362	117,0
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.459.000.000	3.322.658.976	863.658.976	135,1
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	96.996.000.000	174.000.219.533	77.004.219.533	179,4
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	96.996.000.000	96.996.000.000	0	100,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	0	77.004.219.533	77.004.219.533	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính		0	0	
IV	Thu kết dư		0	0	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		4.184.015.483	4.184.015.483	
B	TỔNG CHI NSDP	99.912.000.000	181.870.298.409	81.958.298.409	182,0
I	Tổng chi cân đối NSDP	99.912.000.000	171.365.702.022	71.453.702.022	171,5
1	Chi đầu tư phát triển	2.263.000.000	47.788.999.258	45.525.999.258	2111,8
2	Chi thường xuyên	94.324.000.000	123.576.702.764	29.252.702.764	131,0
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
5	Dự phòng ngân sách	3.325.000.000		-3.325.000.000	
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau		10.032.846.086	10.032.846.086	
III	Chi nộp ngân sách cấp trên		471.750.301	471.750.301	
C	KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		171.250.945	171.250.945	

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của HĐND phường Lê Đại Hành)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (A+B+C+D)	11.530.000.000	2.916.000.000	51.326.367.301	8.041.329.821	445,2	275,8
	<i>Trong đó, tổng nguồn thu NSNN đã loại trừ hoàn thuế GTGT</i>			<i>49.057.026.087</i>	<i>8.041.329.821</i>		
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	11.530.000.000	2.916.000.000	47.142.351.818	3.857.314.338	408,9	132,3
	<i>Trong đó, tổng thu NSNN đã loại trừ hoàn thuế GTGT</i>			<i>44.873.010.604</i>	<i>3.857.314.338</i>		
I	Thu nội địa	11.530.000.000	2.916.000.000	47.142.351.818	3.857.314.338	408,9	132,3
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)			41.960			
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)			71.155.196			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)			17.432.431			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	406.000.000	122.000.000	16.614.512.395	266.569.563	4.092,2	218,5
5	Thuế thu nhập cá nhân	247.000.000	74.000.000	7.279.381.910	1.866.511.413	2.947,1	2522,3
6	Thuế bảo vệ môi trường			3.937.816.792			
7	Lệ phí trước bạ			7.039.094.763			
8	Thu phí, lệ phí	47.000.000	47.000.000	1.588.369.143	93.099.000	3.379,5	198,1
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			921.086.797			
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			976.680.177			
12	Thu tiền sử dụng đất	10.420.000.000	2.263.000.000	2.379.156.000	1.189.578.000	22,8	52,6
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			5.714.862.454			
16	Thu khác ngân sách	125.000.000	125.000.000	317.121.000	155.915.562	253,7	124,7
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	285.000.000	285.000.000	285.640.800	285.640.800	100,2	100,2
II	Thu từ dầu thô			0			
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			-2.269.341.214			

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
7	Hoàn thuế GTGT			-2.269.341.214			
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			0	0		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			4.184.015.483	4.184.015.483		

